

Số: /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2022/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 253/TTr-SXD ngày 22 tháng 7 năm 2026; Công văn số 8684/SXD-QLHTKT ngày 01 tháng 8 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định về giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định mức thu, lộ trình thu tiền giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (sau đây gọi tắt là giá dịch vụ thoát nước); việc thu, nộp, quản lý, sử dụng giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; Tổ chức, cá nhân nước ngoài có xả nước thải vào hệ thống thoát nước tập trung do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng làm chủ sở hữu.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng giá dịch vụ thoát nước.

## **Điều 2. Mức thu, lộ trình điều chỉnh mức thu giá dịch vụ thoát nước**

1. Từ ngày 01/01/2027 đến hết năm 2028: Giá dịch vụ thoát nước (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) như sau:

| <b>TT</b> | <b>Hộ thoát nước</b>                | <b>Mức thu (đồng/m<sup>3</sup>)</b> |
|-----------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 1         | Hộ gia đình, cá nhân                | 2.180                               |
| 2         | Cơ quan hành chính, sự nghiệp       | 3.260                               |
| 3         | Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ | 4.360                               |
| 4         | Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất  | 3.660                               |

2. Từ năm 2029 đến hết năm 2030: Giá dịch vụ thoát nước (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) như sau:

| <b>TT</b> | <b>Hộ thoát nước</b>                | <b>Mức thu (đồng/m<sup>3</sup>)</b> |
|-----------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 1         | Hộ gia đình, cá nhân                | 2.500                               |
| 2         | Cơ quan hành chính, sự nghiệp       | 3.500                               |
| 3         | Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ | 5.000                               |
| 4         | Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất  | 4.000                               |

3. Từ năm 2031 trở đi: Giá dịch vụ thoát nước (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) như sau:

| <b>TT</b> | <b>Hộ thoát nước</b>                | <b>Mức thu (đồng/m<sup>3</sup>)</b> |
|-----------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 1         | Hộ gia đình, cá nhân                | 3.400                               |
| 2         | Cơ quan hành chính, sự nghiệp       | 5.000                               |
| 3         | Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ | 6.900                               |
| 4         | Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất  | 5.600                               |

4. Đối với các hộ nghèo, hộ cận nghèo được miễn tiền giá dịch vụ thoát nước đối với  $10\text{m}^3$  nước thải đầu tiên.

### **Điều 3. Chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng**

#### **1. Đơn vị thu giá dịch vụ thoát nước**

a) Đối với các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung của các đơn vị cấp nước: Căn cứ khối lượng nước sạch tiêu thụ hàng tháng, mức giá dịch vụ thoát nước quy định tại Điều 2 Quyết định này, các đơn vị cấp nước tổ chức thu tiền giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thông qua hóa đơn tiền nước;

b) Đối với các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung của các đơn vị cấp nước: Các đơn vị thoát nước tổ chức thu tiền giá dịch vụ thoát nước theo mức thu bình quân một người là  $4\text{m}^3/\text{tháng}$ . Đối với những địa phương không tính được theo người thì tính theo hộ gia đình là  $16\text{m}^3/\text{tháng}$  (trung bình 04 người/hộ).

#### **2. Quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước**

Nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước được để lại 5% trên tổng số thu thực tế để chi trả chi phí dịch vụ thu hộ; sau khi trừ các chi phí về nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có), số tiền còn lại sẽ nộp vào tài khoản của Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (theo phạm vi quản lý được quy định tại Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp; quản lý, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 223/2025/QĐ-UBND ngày 01/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng) để quản lý, sử dụng cho các mục đích được quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Thuế thành phố Hải Phòng; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn thu giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố theo đúng quy định của pháp luật.

#### **2. Sở Xây dựng**

a) Mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện việc theo dõi, quản lý và sử dụng nguồn thu giá dịch vụ thoát nước theo đúng quy định.

b) Phối hợp với các đơn vị thoát nước tổ chức xây dựng phương án và triển khai thu tiền giá dịch vụ thoát nước theo đúng quy định; tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện quyết định này trên địa bàn quản lý.

c) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh Quyết định khi có các yếu tố chi phí biến động lớn trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định.

### 3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện việc theo dõi, quản lý và sử dụng nguồn thu giá dịch vụ thoát nước theo đúng quy định.

b) Phối hợp với các đơn vị thoát nước tổ chức xây dựng phương án và triển khai thu tiền giá dịch vụ thoát nước theo đúng quy định; tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện quyết định này trên địa bàn quản lý.

4. Các đơn vị cấp nước, đơn vị thoát nước có trách nhiệm tổ chức thu giá dịch vụ thoát nước và được hưởng tiền chi phí dịch vụ đi thu theo quy định tại Điều 3 Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành: Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quy định mức thu, lộ trình thu tiền dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- VPCP;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Báo và PTTH HP;
- Công TTĐTTP;
- Phòng Tài chính ;
- Lưu: VT, TC, N.Đ.Khoa.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Quân**